TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L **THÀNH PHỐ N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15.5.2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Xuân H1 - sinh năm 1971; nơi ĐKNKTT: Tổ 25, phường H2, quận L, thành phố N; nơi cư trú: Đường Ngô Xuân Thu, tổ 31, phường H2, quận L, thành phố N, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V - sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 25, phường H2, quận L, thành phố N; (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện về việc ly hôn gửi đến Tòa án ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại Bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn - ông Dương Xuân H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị V tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại Uỷ ban nhân dân phường H3, huyện H4, tỉnh Quảng Nam N

(*Nay là Uỷ ban nhân dân phường H2, quận L, thành phố N*). Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại nhà của cha mẹ bà V, được 03 tháng thì chuyển về sống ở nhà cha mẹ ông H1; đến năm 2000 thì vợ cH1 ở nhà riêng tại tổ 25, phường H2 cho đến nay. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ cH1 phát sinh từ năm 2000. Nguyên nhân là do vợ cH1 bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ cH1 thường xuyên cãi vã; bà V cư xử không tế nhị, những khi ông có hơi men về là bà V xúc phạm đến ông, một hai lần ông có đánh bà V do không kìm chế được nhưng sự việc đã xảy ra từ lâu. Từ trước Tết năm 2024, bà V quản lý kinh tế quá chặt chẽ, ông không có tiền để chi tiêu sinh hoạt tối thiểu nên đã lấy lại thẻ ngân hàng nhận lương. Từ tháng 02 năm 2025, vợ cH1 đã sống ly thân. Ông ra ngoài thuê trọ sống. Nay, ông xác định không còn tình cảm với bà V; mâu thuẫn giữa vợ cH1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà V.

- Về quan hệ nuôi con chung: Ông xác định ông và bà V có 01 (*Một*) con chung là Dương Xuân N - sinh năm 1996. Con đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản: Ông xác định ông và bà V có tài sản chung, nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; xác định không nợ ai và không ai nợ ông và bà V.

* Tại Bản tự khai ngày 04 tháng 3 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị V trình bày thống nhất với nội dung trình bày của ông H1 về điều kiện kết hôn, địa điểm đăng ký kết hôn. Bà xác định trong quá trình chung sống, vợ cH1 có xảy ra mâu thuẫn từ khi con còn nhỏ. Nguyên nhân là do ông H1 thường xuyên uống rượu bia và đánh đập bà. Tuy nhiên, bà vẫn cố gắng chịu đựng vì nghĩ ông H1 sẽ thay đổi. Gần đây bà phát hiện ông H1 có quan hệ tình cảm bên ngoài do xưng hô vợ cH1 qua điện thoại với người phụ nữ khác, nhưng bà không có chứng cứ chính xác. Khoảng 03 tháng gần đây, ông H1 đã lấy lại thẻ ngân hàng nhận lương và bỏ ra ngoài sinh sống. Bà xác định mâu thuẫn vợ cH1 không đến mức phải ly hôn. Bà không đồng ý ly hôn.

Bà xác định bà và ông V có 01 con chung đã thành niên như ông H1 trình bày; xác định tự thoả thuận về tài sản và không có nợ chung.

Tại phiên toà, bà V vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, cũng như việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân

sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Dương Xuân H1 được ly hôn với với bà Nguyễn Thị V. Con chung đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận L đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Nguyễn Thị V, nhưng tại phiên tòa bà V vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về nội dung: Ông Dương Xuân H1 và bà Nguyễn Thị V đăng ký kết hôn vào năm 1990 tại Uỷ ban nhân dân phường H3, huyện H4, tỉnh Quảng Nam N (*Nay là Uỷ ban nhân dân phường H2, quận L, thành phố N*). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa ông H1 và bà V là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H1 đối với bà V, Hội đồng xét xử thấy:

Cả ông H1 và bà V đều xác định trong quá trình chung sống, giữa vợ cH1 có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông H1 trình bày là do vợ cH1 bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung; bà V cư xử không tế nhị. Còn theo bà V là do ông H1 có quan hệ tình cảm bên ngoài nên 03 tháng nay lấy lại thẻ nhận tiền lương để ra ngoài sinh sống.

Xét thấy, ông H1 không thừa nhận có quan hệ tình cảm bên ngoài; bà V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H1 có tình cảm bên ngoài; thực tế hiện tại vợ cH1 đã sống ly thân. Bà V không đồng ý ly hôn nhưng chỉ đến Tòa án 01 (*Một*) lần, sau đó không tiếp tục tham gia tố tụng để có điều kiện hòa giải, hàn gắn tình cảm.

Do hôn nhân giữa ông H1 và bà V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông H1 đối với bà V, xử cho ông H1 được ly hôn với bà V.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung*:* Ông H1 và bà V có 01 (*Một*) con chung là Dương Xuân N - sinh năm 1996. Con chung đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản: Ông H1 và bà V đều xác định tự thoả thuận về tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Dương Xuân H1 phải phải chÞu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Dương Xuân H1 đối với bà Nguyễn Thị V về việc "Ly hôn".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho ông H1 được ly hôn với với bà V.

* Về quan hệ nuôi con chung: Không giải quyết.

* Về quan hệ chia tài sản: Ông H1 và bà V không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Dương Xuân H1 phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0007315 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các éiều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. L;
- UBND P. H2;
- Chi cục THADS Q. L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bi³n b¶n nghÞ ¸n

Vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 7 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận L

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cơ

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thanh Thương - sinh năm 1983, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Triều - sinh năm 1984; (*Vắng mặt, không có lý do*).

Cùng nơi cư trú: 02 Phú Lộc 2, phường Hòa Minh, quận L, thành phố N.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. VÒ y^u cÇu khëi kiÖn cña nguy^n ®¬n:

- ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn Cơ:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị Thanh Thương đối với ông Nguyễn Minh Triều về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà Thương được ly hôn với ông Triều.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao hai con chung Nguyễn Minh Khang - sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Mai Quỳnh Vi - Sinh ngày 07 tháng 11 năm 2017 cho bà Thương trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông Triều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà Thương xác định bà và ông Triều không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

- ý kiÕn cña bà Nguyễn Thị Thanh Bình: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn Cơ.

- ý kiÕn cña ThÈm ph¸n - Chñ täa phi^n tßa: ®ồng ý víi ý kiÕn ông Nguyễn Văn Cơ và bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

* KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3.

2. VÒ ®iÒu luËt ¸p dông:

- ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn Cơ:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- ý kiÕn cña bà Nguyễn Thị Thanh Bình: ®ồng ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn Cơ.

- ý kiÕn cña ThÈm ph¸n - Chñ täa phi^n tßa: ®ồng ý víi ý kiÕn ông Nguyễn Văn Cơ và bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

* KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3.

3. *Về án phí:*

- ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn Cơ:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Mai Thị Thanh Thương phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0007807 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận L. Bà Thương đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- ý kiÕn cña bà Nguyễn Thị Thanh Bình: ®ång ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn Cơ.

- ý kiÕn cña ThÈm ph¸n - Chñ täa phiª n tßa: ®ång ý víi ý kiÕn ông Nguyễn Văn Cơ và bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

* KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3.

4. *VÒ c¸c vÊn ®Ò kh¸c:*

- ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn Cơ:

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Tr-êng hîp b¶n ¸n ®-îc thi hµnh theo quy ®Þnh t¹i §iÒu 2 LuËt Thi hµnh ¸n d©n sù th× ng-êi ®-îc thi hµnh ¸n d©n sù, ng-êi ph¶i thi hµnh ¸n d©n sù cã quyÒn tháa thuËn thi hµnh ¸n, quyÒn yªu cÇu thi hµnh ¸n, tù nguyÖn thi hµnh ¸n hoÆc bÞ c-ìng chÕ thi hµnh ¸n theo quy ®Þnh t¹i c¸c ĐiÒu 6, 7, 7a, 7b vµ 9 LuËt Thi hµnh ¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®-îc thùc hiÖn theo quy ®Þnh t¹i §iÒu 30 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù.

- ý kiÕn cña bà Nguyễn Thị Thanh Bình: ®ång ý víi ý kiÕn cña ông Nguyễn Văn Cơ.

- ý kiÕn cña ThÈm ph¸n - Chñ täa phiª n tßa: ®ång ý víi ý kiÕn ông Nguyễn Văn Cơ và bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

* KÕt qu¶ biÓu quyÕt: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA